

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2019

“V/v Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lâm Kim Mến.

- Ông Lương Minh Suốt.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: ông Đoàn Văn Khải, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2019. Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ng. T.N.**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 148, ấp Lương Văn Huỳnh, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Đ. V. T.**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 148, ấp Lương Văn Huỳnh, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/8/2019, nguyên đơn Ng. T.N. trình bày: Vào năm 1992, bà N. ông Đ. V. T. cưới nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, Sau khi cưới nhau, hai người sống chung với tại xã Ngọc Tổ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống bà N. và ông T. sống hạnh phúc trong thời gian đầu và có hai người con chung tên Đ.T. T. (nữ) sinh năm 1992 và Đ.T. C. (nam) sinh năm 1994. Sau này, do cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hoà mâu thuẫn ngày càng nhiều làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng thể sống chung với nhau được nên từ năm 2014 đã không còn sống chung với nhau. Nay bà Ng. T.N. yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ. V. T. .

Về con chung: Đ.T. T. (nữ) sinh năm 1992 và Đ.T. C. (nam) sinh năm 1994 đã trưởng thành lao động được không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng. T.N. trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn Ng. T.N. trình bày về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn với ông Đ. V. T. vào năm 2012 nhưng không nhớ ngày tháng. Do giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc nên khi làm đơn yêu cầu giải quyết bà N. trình bày không có đăng ký kết hôn với ông T.. Nay tại phiên toà sơ thẩm bà N. khẳng định bà và ông Đ. V. T. có đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tổ, huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2012. Yêu cầu toà án giải quyết được ly hôn với ông T..

* Đối với bị đơn Đ. V. T. : Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông T. không có mặt tại nhà nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị độ thị thu là con ruột của ông T. nhận thay và cam kết đã giao lại tận tay cho ông T. theo quy định của pháp luật. ông T. không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Theo thủ tục tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia nhưng ông T. vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/9/2019 không có lý do. Tòa án tiếp tục thông báo phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn lần hai, để tham gia hòa giải nhưng ông T. vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 24/10/2019 không có lý do

nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Ng. T.N. được ly hôn với ông Đ. V. T. về con chung chị Đ.T. T. (nữ) sinh năm 1992 và anh Đ.T. C. (nam) sinh năm 1994 đã trưởng thành lao động được đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn Ng. T.N. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, tại đơn yêu cầu khởi kiện bà N. trình bày sống chung với ông T. như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà N. với ông T. thì được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên xác định bà N. và ông T. có đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/01/2012. Tại phiên tòa bà N. cũng khẳng định là có đăng ký kết hôn với ông T. và yêu cầu ly hôn với ông T.. Do đó Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà N. với ông T. là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình xin ly hôn, được điều chỉnh tại các Điều 51, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Đ. V. T. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gì nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn Đ. V. T. .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh

Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/1/2012 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn và biên bản xác minh tại Ủy ban xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên cung cấp; căn cứ sổ hộ khẩu mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Ng. T.N. có kết hôn với bị đơn Đ. V. T. là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa bà Ng. T.N. và ông Đ. V. T. đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm ông T. thường xuyên cự cãi bất đồng quan điểm làm cho tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến bà N. và ông T. không còn tiếp tục sống chung với nhau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa bà N. và ông T. không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Ng. T.N. và bị đơn Đ. V. T. thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Ng. T.N. đối với bị đơn Đ. V. T. là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà Ng. T.N. được ly hôn với ông Đ. V. T. .

[3] Về con chung: Bà Ng. T.N. và ông Đ. V. T. có với nhau hai người con chung tên Đ.T. T. (nữ) sinh năm 1992 và Đ.T. C. (nam) sinh năm 1994 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Ng. T.N. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Ng. T.N. phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Ng. T.N. được ly hôn với ông Đ. V. T. .

2/ Về con chung: Đ.T. T. (nữ) sinh năm 1992 và Đ.T. C. (nam) sinh năm 1994 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: bà Ng. T.N. và ông Đ. V. T. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Ng. T.N. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số Nghiêm tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009075 ngày 22/8/2019

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà Ng. T.N. đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- VKSND Huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự
- chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND xã Ngọc Tố.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn